

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11 -8 -2021

V/v: “*Không công nhận vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đăng Thanh, Ông Vũ Ngọc Côn.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản:* Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:*
Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43A/2021/QĐ-TA ngày 30/7/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Lim, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Quang T, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Lim, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2021 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Quang T vào năm 2000. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Sau ngày vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra to tiếng với nhau, bất đồng

về kinh tế và nuôi dạy con, không ai nghe ai, không tôn trọng nhau, vợ chồng ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2020. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn anh Phạm Quang T, nhưng không đăng ký kết hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh T sinh được hai người con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 12/5/2001, cháu Phạm Quang T, sinh ngày 03/12/2012. Ly hôn cháu Đ trên 18 tuổi, đã trưởng thành có cuộc sống riêng chị không đề nghị Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng, Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, không đề nghị Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp: Chị không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2021 bị đơn anh Phạm Quang T trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị N năm 2000, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu không ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay, tình cảm ban đầu hạnh phúc. Về mâu thuẫn vợ chồng anh xác định không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Nay chị N xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí, nhưng không đăng ký kết hôn, anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị N sinh được hai người con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 12/5/2001, cháu Phạm Quang T, sinh ngày 03/12/2012. Ly hôn cháu Đ trên 18 tuổi, đã trưởng thành, tự nuôi dưỡng bản thân, anh không đề nghị Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hồ giải anh không đề nghị Toà án giải quyết. Tại phiên tòa anh đề nghị Toà án giải quyết tài sản chung để làm thủ tục chuyển đất cát, nhà cửa cho con anh.

Ngoài ra anh không yêu cầu Toà án giải quyết thêm vấn đề gì..

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2021 cháu Phạm Quang T trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ Trần Thị N. Mong Toà án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

Tại phiên tòa chị Trần Thị N, anh Phạm Quang T thống nhất giải quyết vấn đề hôn nhân nhưng không thống nhất giải quyết về quan hệ con chung, tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị N và anh Phạm Quang T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Phạm Quang T – sinh ngày 03/12/2012. Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị N là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Phạm Quang T được ly hôn. Bị đơn anh Phạm Quang T hiện trú tại: Thôn Lim, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Phạm Quang T kết hôn với nhau vào năm 2000, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Như vậy đây là hôn nhân không hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra to tiếng với nhau, bất đồng về kinh tế và nuôi dạy con, không ai nghe ai, không tôn trọng nhau. anh T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Cả chị N và anh T đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 không còn quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa chị N, anh T nhất trí ly hôn nhưng không đăng ký kết hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được cần xử không công nhận chị Trần Thị N, anh Phạm Quang T là vợ chồng phù hợp với Điều 53 LHNGĐ 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phạm Quang T sinh được hai người con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 12/5/2001 và Phạm Quang T, sinh ngày 03/12/2012. Cháu Đ trên 18 tuổi, cả chị N và anh T đều không đề nghị Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng với cháu Đ nên không đặt ta xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Đ. Đối với cháu Phạm Quang T cả chị N, anh T đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu. Xét thấy cả chị N, anh T có thu nhập, chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dạy con, nguyện vọng của anh chị được nuôi dưỡng con chung là chính đáng. Tuy nhiên cháu Phạm Quang T hiện nay đang ở với chị Nhung, có nguyện vọng ở với mẹ. Để đảm bảo cho cháu phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu cần tiếp tục giao cho chị N trông nom nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản, công nợ chung: Tại phiên toà anh T đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung để anh chuyển cho con anh. Hội đồng xét xử xét thấy trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu các bên đương sự không thống nhất giải quyết về tài sản chung có thể khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị N và anh Phạm Quang T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Quang T, sinh ngày 03/12/2012. Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001872 ngày 10 tháng 03 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Chị Trần Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã G;
- Công thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Hiếu